

21 tháng 4 năm 2020

► Đại dịch COVID-19 với thị trường lao động Việt Nam¹

1. Tình hình lây lan của virus và các biện pháp kiểm soát dịch bệnh

Ở Việt Nam, dịch COVID-19 đã diễn biến qua ba giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên khởi phát từ cuối tháng 1 đến giữa tháng 2 năm 2020. Trong giai đoạn này, tất cả các ca nhiễm đều ghi nhận có lịch sử di chuyển qua Trung Quốc. Giai đoạn thứ hai bắt đầu từ đầu tháng 3 sau một quãng thời gian dài liên tục không ghi nhận ca nhiễm COVID-19 mới nào ở Việt Nam, Việt Nam phát hiện một loạt ca nhiễm bệnh xâm nhập từ các nước khác ngoài Trung Quốc, tạo nên một giai đoạn lây nhiễm mới. Đặc điểm của cả hai giai đoạn này là việc có thể truy vết được nguồn lây, nghĩa là mọi ca nhiễm ghi nhận tại Việt Nam đều có thể truy tìm nguồn gốc những người có tiếp xúc gần với người nhiễm bệnh ở nước ngoài. Tính đến ngày 20 tháng 4 năm 2020, Việt Nam chưa phát hiện thêm trường hợp nhiễm mới nào trong vòng 4 ngày liên tiếp. Cả nước vẫn đề cao cảnh giác, nhưng việc không có thêm ca nhiễm mới là tín hiệu quan trọng cho thấy hiệu quả của các biện pháp đồng bộ Chính phủ đã và đang thực hiện nhằm kiểm soát sự lây lan của COVID-19.

Trước tình hình diễn biến phức tạp dịch bệnh COVID-19, Chính phủ Việt Nam đã triển khai thực hiện các biện pháp ngăn chặn với mức độ quyết liệt ngày càng gia tăng và đã chứng minh tính hiệu quả trong việc kiểm chế cuộc khủng hoảng y tế này. Thủ tướng Chính phủ thường xuyên khuyến khích người dân áp dụng biện pháp giãn cách xã hội theo cách thức ngày một nghiêm ngặt hơn. Trường học đã đóng cửa từ đầu tháng 2. Lượng khách du lịch nội địa đã bị cắt giảm do việc tạm ngừng cấp thị thực tại cửa khẩu, cách ly bắt buộc và cuối cùng là dừng tất cả các chuyến bay quốc tế. Di chuyển trong nước bị giảm thiểu và tạm dừng phần lớn việc vận chuyển công cộng, đi lại trong nội tỉnh và giữa các tỉnh với nhau. Ngày 31 tháng 3², Chính phủ đã ra chỉ thị đóng cửa tất cả các cơ sở kinh doanh dịch vụ không thiết yếu³ ít nhất trong hai tuần. Tất cả các biện pháp này của Chính phủ nhằm mục đích bảo vệ tính mạng và sức khỏe của người dân Việt Nam bằng mọi giá, và cuối cùng là xóa sổ dịch bệnh trên cả nước.

Trong khi đó, virus đã lây lan trên khắp các nền kinh tế lớn nhất trên thế giới và các đối tác thương mại của Việt Nam, gây nên sự sụt giảm nghiêm trọng trong hoạt động kinh tế. Tỉnh Hồ Bắc của Trung Quốc đã bị phong tỏa trong suốt tháng 2. Tháng 3⁴, khi biện pháp giãn cách xã hội ở Trung Quốc bắt đầu được nới lỏng thì các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu, tiếp đến là Hoa Kỳ, lại bắt đầu áp dụng các quy định nghiêm ngặt. Cuối tháng 3, một đợt lây nhiễm mới lại xuất hiện ở các nước ASEAN. Ngày 7 tháng 4, Nhật Bản tuyên bố tình trạng khẩn cấp quốc gia. Tại thời điểm dự thảo bản báo cáo này, hầu hết các quốc gia xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam đều đang thực hiện các biện pháp kiểm chế sự lây lan của dịch bệnh, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh tế của Việt Nam.

2. Tác động đến hoạt động kinh tế trong quý I năm 2020

Các biện pháp được áp dụng để đối phó với đại dịch tại Việt Nam và trên toàn thế giới đang ảnh hưởng tới nền kinh tế của Việt Nam. Một phần, ảnh hưởng này là hệ quả trực tiếp của các biện pháp kiểm soát dịch bệnh trong nước khiến cho người dân hạn chế sử dụng dịch vụ và mua sắm hàng hóa và gần đây nhất là việc chỉ thị một số cơ sở kinh doanh phải tạm đóng cửa. Bên cạnh đó, các biện pháp tương tự được áp dụng tại các quốc gia khác trên toàn thế giới cũng có ảnh hưởng gián tiếp trên quy mô lớn đối với nền kinh tế Việt Nam. Các nhà máy thuộc các lĩnh vực sản xuất chính đã dừng hoạt động ở các quốc gia là đối tác nhập khẩu và xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam. Điều này dẫn đến những thách thức trong khía cạnh cung ứng cho các nhà máy Việt Nam phụ thuộc vào việc nhập khẩu linh kiện cho chu trình sản xuất của mình. Đồng thời, người tiêu dùng ở các thị trường lớn thuộc Châu Á, Hoa Kỳ và Châu Âu cũng đều bị buộc phải thực hiện phong tỏa, việc tiêu thụ hàng hóa nhập khẩu bị cắt giảm dẫn đến việc hủy các đơn hàng từ các nhà máy Việt Nam. Hình 1 minh họa mức độ nghiêm trọng tiềm tàng của những tác động gián tiếp này đối với nền kinh tế Việt Nam. Trục X thể hiện tỷ trọng tương ứng trong tổng kim

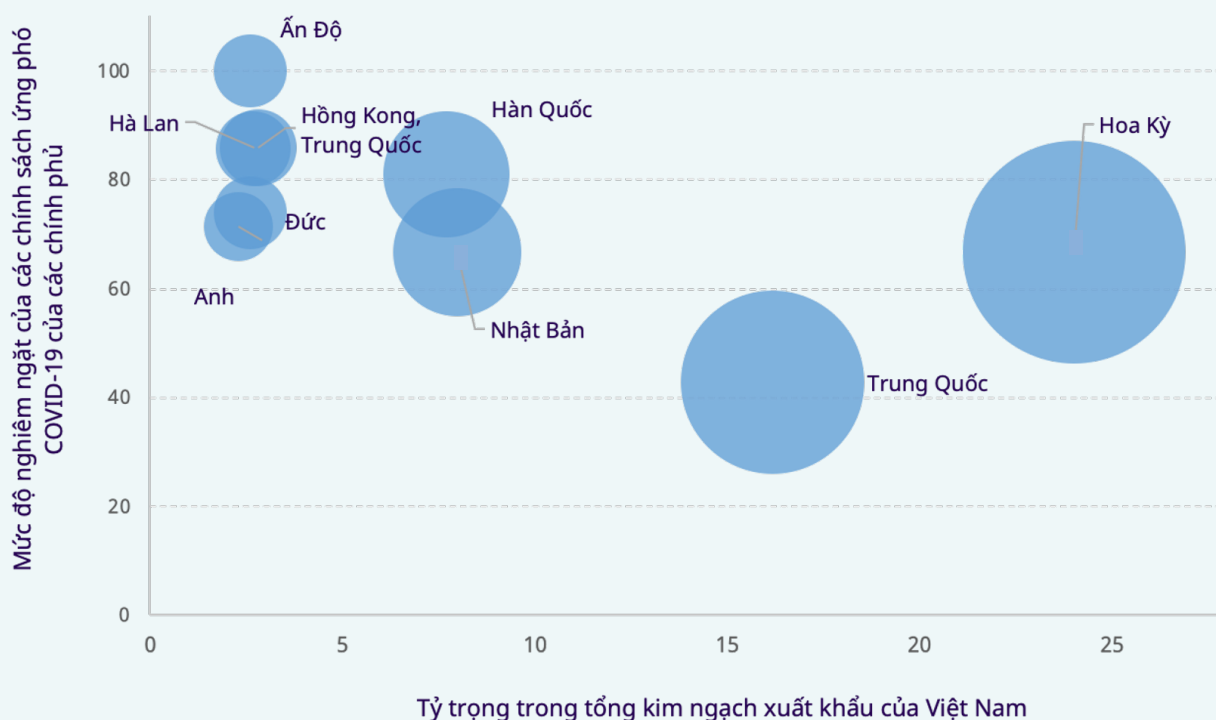
¹ Dịch COVID-19 thay đổi nhanh chóng trên thế giới, trong khi công tác thu thập và phân tích số liệu cần thời gian. Do đó, tác động đầy đủ của các diễn tiến theo ngày của dịch tại Việt Nam và các quốc gia khác chỉ có thể thấy được sau một độ trễ nhất định. Báo cáo kỹ thuật này thảo luận những tác động hiện hữu và ảnh hưởng dự kiến dựa trên số liệu mới nhất tính tới thời điểm giữa tháng 4 năm 2020, bao gồm dữ liệu về thị trường lao động.

² Chỉ thị số 16/CT-TTg về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 yêu cầu thực hiện cách ly xã hội trên toàn Việt Nam trong 15 ngày, bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2020.

³ Chỉ có các cơ sở cung cấp thực phẩm, dược phẩm và xăng dầu được phép mở cửa.

⁴ Trung tâm Kiểm soát Dịch bệnh Châu Âu

- Hình 1: Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của các đối tác xuất khẩu hàng đầu và mức độ nghiêm ngặt của các chính sách ứng phó đại dịch COVID-19 của Chính phủ từng nước

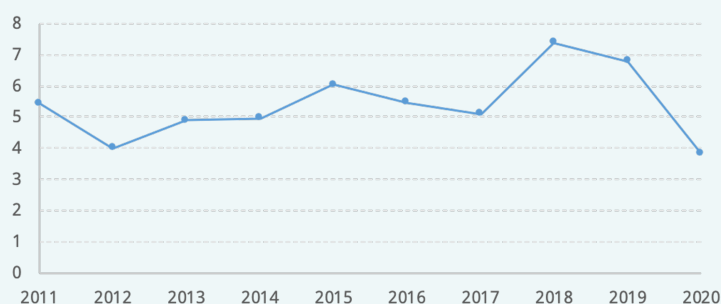


Nguồn: Tổng hợp của ILO dựa trên số liệu từ Tình hình xuất khẩu và Nhập khẩu hàng hóa của các quốc gia và vùng lãnh thổ chính năm 2019, Tổng Cục Thống kê Việt Nam; Chỉ số mức độ nghiêm ngặt của các chính sách ứng phó đại dịch COVID-19 của Chính phủ, Đại học Oxford; ourworldindata.org.

ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Trục Y thể hiện mức độ nghiêm ngặt của các biện pháp ứng phó dịch bệnh⁵ được áp dụng tại các nước đối tác xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam. Kích thước của bong bóng thể hiện tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam tới

quốc gia đó. Hình minh họa cho thấy hầu hết các đối tác thương mại chính của Việt Nam đã hạn chế đáng kể hoạt động kinh tế của họ, do đó có khả năng ảnh hưởng tới phần lớn hoạt động xuất khẩu của Việt Nam.

- Hình 2: Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong quý I theo từng năm, 2011-2020



Nguồn: Số liệu thống kê về tình hình Kinh tế và xã hội, 2011-2020, Tổng cục Thống kê Việt Nam.

⁵ Theo Chỉ số mức độ nghiêm ngặt của các chính sách ứng phó dịch COVID-19 của Chính phủ của Đại học Oxford.

Tác động cả trực tiếp và gián tiếp của cú sốc kinh tế đối với nền kinh tế của Việt Nam đã thể hiện rõ rệt vào cuối quý I năm 2020. Hình 2 cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP của quý I năm 2020 giảm ba điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019. Con số này đưa ra chỉ báo rằng về tổng quan, nền kinh tế vẫn tiếp tục tăng trưởng trong ba tháng đầu năm. Tuy nhiên, nó cũng cho thấy sự tăng trưởng trong quý này (so với năm trước) ở mức thấp nhất trong thập kỷ của nền kinh tế.

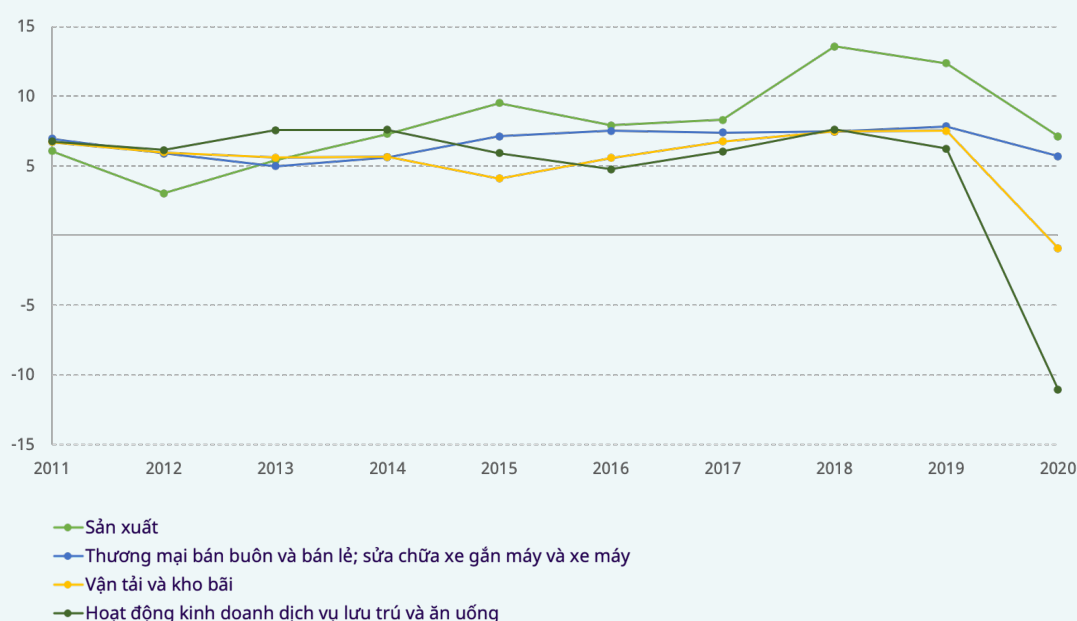
Một phân tích mới đây của ILO⁶ nhấn mạnh rằng cú sốc kinh tế do COVID-19 gây nên đối với các lĩnh vực thì hoàn toàn không giống nhau.

Một số lĩnh vực cụ thể bị ảnh hưởng đặc biệt nặng nề do sự sụp đổ của hoạt động kinh tế. Ở Việt Nam, các đơn vị kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực **thương mại bán buôn và bán lẻ** đã phải đối diện với sự sụt giảm về nhu cầu tiêu dùng do biện pháp giãn cách xã hội, trong khi dịch vụ bán hàng trực tuyến hay giao hàng tại nhà chỉ có thể bù đắp một phần việc mất đi nguồn doanh thu chính. Tiếp đến là các hoạt động không thiết yếu bị ảnh hưởng do phải tạm đóng cửa hàng loạt. Bên cạnh đó, việc hạn chế di chuyển bắt buộc đã gây nên cú sốc đối

với lĩnh vực **vận tải, kho bãi và truyền thông**. Lĩnh vực này cũng bị ảnh hưởng gián tiếp do các quốc gia khác cũng nghiêm cấm việc di chuyển. Hãng hàng không quốc gia Việt Nam đã cắt giảm 40% số chuyến bay từ giữa tháng 3 do sự lây lan của virus ở Châu Âu và sau đó là do Chính phủ yêu cầu bắt buộc tạm dừng khai thác tất cả các chuyến bay quốc tế. Doanh thu của hãng trong quý I năm 2020 đã giảm 6.700 tỷ đồng (tương đương 287,6 triệu đô la Mỹ (USD)).⁷ Tương tự như vậy, các tác động trực tiếp kết hợp với tác động gián tiếp đã dẫn đến sự sụp đổ của hoạt động kinh tế trong lĩnh vực **dịch vụ lưu trú và ăn uống**.

Các luồng khách **du lịch**, cả nội địa và quốc tế, đã bị dừng đột ngột, kéo theo doanh thu trong lĩnh vực này⁸. Doanh thu bán hàng trong tháng 3 giảm 26 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019⁹. Du lịch bao gồm các hoạt động kinh tế trong 10 nhóm ngành¹⁰ thuộc các lĩnh vực Các hoạt động dịch vụ lưu trú và ăn uống, Vận tải và kho bãi, và Nghệ thuật, vui chơi, giải trí. Do bản báo cáo nhanh này áp dụng chuẩn phân ngành quốc tế về các hoạt động kinh tế, nên mảng du lịch được chia ra phân tích theo các lĩnh vực khác nhau.

Hình 3: Tăng trưởng kinh tế theo từng năm của một số lĩnh vực trong quý I, 2011-2020



Nguồn: Số liệu thống kê về tình hình Kinh tế và xã hội, 2011-2020, Tổng cục Thống kê Việt Nam.

⁶ ILO, COVID-19 và thể giới việc làm, báo cáo nhanh số 2, 7 tháng 4 năm 2020

⁷ Reuters, 11 tháng 3 năm 2020; Viet Nam News, 7 tháng 4 năm 2020.

⁸ Du lịch bao gồm 10 nhóm ngành thuộc 3 lĩnh vực kinh tế dựa trên Chuẩn Phân ngành quốc tế của tất cả các hoạt động kinh tế (ISIC). Đó là Các hoạt động dịch vụ lưu trú và ăn uống, Vận tải và kho bãi, và Nghệ thuật, vui chơi, giải trí.

⁹ Số liệu thống kê về tình hình Kinh tế và xã hội quý I năm 2020, Tổng cục Thống kê Việt Nam.

¹⁰ Theo Chuẩn Phân ngành quốc tế của tất cả các hoạt động kinh tế (ISIC), bản sửa đổi lần 4.

Một số phân ngành trong lĩnh vực **sản xuất** cũng bị tác động nặng nề¹¹, cả trực tiếp lẫn gián tiếp. Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) cho biết, nhu cầu của thị trường nội địa giảm hơn 27% đã khiến cho một số các doanh nghiệp sản xuất lớn nhất tại Việt Nam quyết định cho các nhà máy dừng sản xuất. Trong ngành chế biến gỗ, 80% doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Châu Âu và Hoa Kỳ đã bị yêu cầu hủy hoặc hoãn đơn hàng. Ngành dệt may cũng bị nhiều đối tác Châu Âu và Hoa Kỳ hủy hoặc hoãn đơn hàng, trong đó một số bị hoãn tới tận tháng 6.

Tổng mức tăng trưởng của các lĩnh vực này trong quý đầu của năm thể hiện sự giảm mạnh của các hoạt động kinh tế. Hình 3 cho thấy tăng trưởng trong lĩnh vực **sản xuất** giảm 5 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019. Tăng trưởng trong quý I của lĩnh vực **thương mại bán buôn và bán lẻ, sửa chữa xe gắn máy và xe máy** ở mức thấp nhất kể từ năm 2014 đến nay. Tuy nhiên biểu đồ này chỉ thể hiện số liệu tính đến cuối tháng 3 nên chỉ thể hiện được 4 ngày các dịch vụ kinh doanh không thiết yếu phải tạm dừng hoạt động, điều đó có nghĩa là nhiều khả năng các lĩnh vực này sẽ còn giảm hơn trong tháng 4. Việc thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh của lĩnh vực **vận tải và kho bãi** đã thể hiện rõ rệt ngay trong quý I. Cú sốc nặng nề nhất về sản lượng kinh tế trong quý I được ghi nhận ở các **hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống**, giảm tới 11 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019.

3. Tác động của đại dịch COVID-19 tới việc làm tại Việt Nam

Hoạt động kinh tế sụt giảm mạnh tạo nên một tác động chưa từng có đối với vấn đề lao động việc làm của Việt Nam. Các nhân viên y tế đang làm việc trên tuyến đầu trong trận chiến chống virus. Trong khi hàng ngày họ đang làm nhiệm vụ, cống hiến cho xã hội, nơi làm việc của họ lại khiến cho họ có nguy cơ bị lây nhiễm cao. Nhiều người lao động vẫn tiếp tục đi làm đã chứng kiến sự thay đổi lớn trong phương thức làm việc của mình. Các doanh nghiệp đã thay đổi cách thức sắp xếp công việc để bảo vệ sức khỏe của người lao động, vì thế có thể có tác động tới sản lượng. Các biện pháp kiểm soát dịch bệnh mà Chính phủ Việt Nam đang áp dụng tác động trực tiếp tới hàng triệu người lao động. Chính phủ đã ra chỉ thị áp dụng chính sách cách ly xã hội trên toàn quốc, theo đó nhiều cơ sở

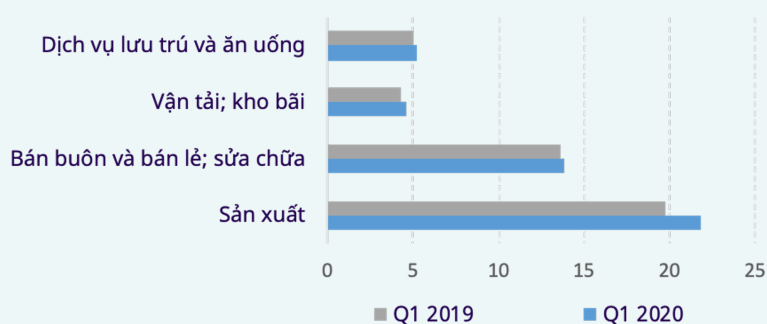
kinh doanh dịch vụ hoặc một số cấu phần kinh doanh dịch vụ thuộc mọi quy mô và lĩnh vực phải tạm dừng hoạt động trong 14 ngày. Biện pháp giãn cách xã hội áp dụng trong tháng 3 và cách ly xã hội áp dụng trong tháng 3 và tháng 4 đang gây nên sự sụt giảm nghiêm trọng trong doanh thu, và nơi làm việc của người lao động thuộc các dịch vụ kinh doanh không thiết yếu bị đóng cửa. Các nhà máy phục vụ thị trường nội địa đang phải cắt giảm thời giờ làm việc của người lao động, đề nghị giảm mức lương hay tạm dừng mọi hoạt động sản xuất và cho người lao động nghỉ việc. Lao động làm việc trong các doanh nghiệp xuất khẩu cũng đối mặt với sự sụt giảm nghiêm trọng về số giờ làm việc, tạm dừng hợp đồng, cắt giảm lương và sa thải. Một đánh giá mới đây do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)¹² thực hiện trên 46 tỉnh thành cho thấy 76% doanh nghiệp được khảo sát đã giảm số giờ làm của người lao động theo nhiều cách khác nhau, từ việc áp dụng thời giờ làm việc linh hoạt cho tới biện pháp cuối cùng là sa thải lao động.

Số liệu thống kê quốc gia trong quý I thể hiện khủng hoảng COVID-19 chỉ tạo nên tác động nhỏ đối với thị trường lao động Việt Nam. Phân tích các chỉ số thị trường lao động từ các số liệu mới nhất cho thấy việc làm, tình trạng thất nghiệp và số giờ làm việc trong quý I năm 2020 vẫn chưa bị tác động do khủng hoảng. Chúng tôi thấy rằng số liệu việc làm cũng giữ ở mức ổn định trong các lĩnh vực đã chứng kiến sự sụt giảm trong tốc độ tăng trưởng hay thu hẹp quy mô do khủng hoảng trong quý đầu của năm (Hình 4). Tỷ trọng việc làm trong lĩnh vực du lịch, trong đó bao gồm một số nhóm ngành, trong tổng số việc làm cũng ở mức ổn định. Kinh nghiệm từ các cuộc khủng hoảng toàn cầu trước đây cho thấy thị trường lao động phản ứng với suy thoái kinh tế có độ trễ do các doanh nghiệp trước tiên luôn cố duy trì lực lượng lao động của mình lâu nhất có thể bằng cách cắt giảm sản lượng cho đến khi không còn tiếp tục duy trì được nữa. Tuy vậy cuộc khủng hoảng hiện tại có chút khác biệt ở chỗ các biện pháp kiểm soát dịch bệnh tác động trực tiếp đến việc làm nhưng còn quá sớm để tác động này được phản ánh trong số liệu thống kê. Tổng cục Thống kê mới hoàn thành đợt thu thập số liệu điều tra lao động việc làm gần đây nhất trong tuần đầu tháng 3. Các biện pháp kiểm soát dịch bệnh nghiêm ngặt nhất áp dụng đối với việc di chuyển, phong tỏa một phần và tạm dừng các hoạt động kinh doanh không thiết yếu chỉ được áp dụng từ giữa tháng 3. Dự kiến tác động toàn diện của các biện pháp này sẽ được thể hiện

¹¹ Reuters, 20 tháng 3 năm 2020; ; Viet Nam News, 24 tháng 3 năm 2020; VnExpress, 1 tháng 4 năm 2020.

¹² Thông tin được thu thập từ nghị thu thập được qua các cuộc họp trực tuyến và báo cáo từ trên 700 doanh nghiệp và Hiệp hội Doanh nghiệp trên cả nước.

- Hình 4: Tình trạng thị trường lao động của nhóm dân số trong độ tuổi lao động và tỷ trọng việc làm của các lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng, Quý I, theo từng năm, 2019-2020



Nguồn: Tính toán của ILO dựa trên số liệu mới nhất sẵn có

đầy đủ trong số liệu thống kê công bố vào cuối quý II.

Chúng ta có thể ước tính tác động về kinh tế đối với các lĩnh vực kinh tế có khả năng phải hứng chịu gánh nặng của cuộc khủng hoảng trong quý II. Sử dụng số liệu kinh tế của quý I cùng với các thông tin thời gian thực về các biện pháp kiểm soát dịch bệnh và hệ quả gây nên đối với các doanh nghiệp và người tiêu dùng, chúng ta có thể ước tính được mức độ suy giảm về sản lượng kinh tế trong mỗi lĩnh vực trong hai quý đầu năm 2020. Mức độ suy giảm này phụ thuộc vào mức độ dễ bị

tổn thương của mỗi lĩnh vực trước ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp hay cả hai của các biện pháp kiểm soát COVID-19 (như đã giải thích tại phần 2 của báo cáo nhanh này). Dựa trên những cân nhắc này, chúng tôi đã áp cho mỗi loại ảnh hưởng trực tiếp và/hoặc gián tiếp một cấp độ thể hiện mức sụt giảm trong sản lượng kinh tế dự kiến. Bảng 1 minh họa kết quả này.

Theo đánh giá được minh họa tại Bảng 1, khoảng 25,8 triệu lao động tại Việt Nam hiện đang làm việc trong các lĩnh vực có nguy cơ phải

- Bảng 1: Việc làm phân theo lĩnh vực và cấp độ rủi ro

Lĩnh vực kinh tế	Ước tính tác động của khủng hoảng đến sản lượng kinh tế, Q1 và Q2, 2020	Tổng việc làm năm 2019 (nghìn)
Nông nghiệp; Lâm nghiệp và Ngư nghiệp	Thấp	18 938
Giáo dục	Thấp	2 019 ¹³
Quản lý công và quốc phòng, an ninh xã hội bắt buộc	Thấp	1 517
Y tế và các hoạt động xã hội	Thấp	626
Hoạt động tài chính và bảo hiểm	Thấp	507
Dịch vụ tiện ích	Thấp	360
Khai thác mỏ	Thấp	195
Xây dựng	Thấp-Trung bình	4 546

¹³ Giáo viên và các nhân viên không làm việc giảng dạy tại các trường công lập làm việc theo hợp đồng lao động. Theo UNICEF, một số giáo viên ký hợp đồng ngắn hạn có thể bị ảnh hưởng tiền lương, nhưng không thể ước tính tỷ lệ số giáo viên này trong tổng số việc làm do thiếu số liệu.

Bất động sản; hoạt động kinh doanh và hành chính	Trung bình	996
Sản xuất	Trung bình-cao	10 941
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa xe gắn máy và xe máy	Trung bình-cao	7 525
Vận tải; kho bãi và truyền thông	Trung bình-cao	2 330
Nghệ thuật, vui chơi giải trí và các dịch vụ khác	Trung bình-cao	1 289
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	Cao	2 773

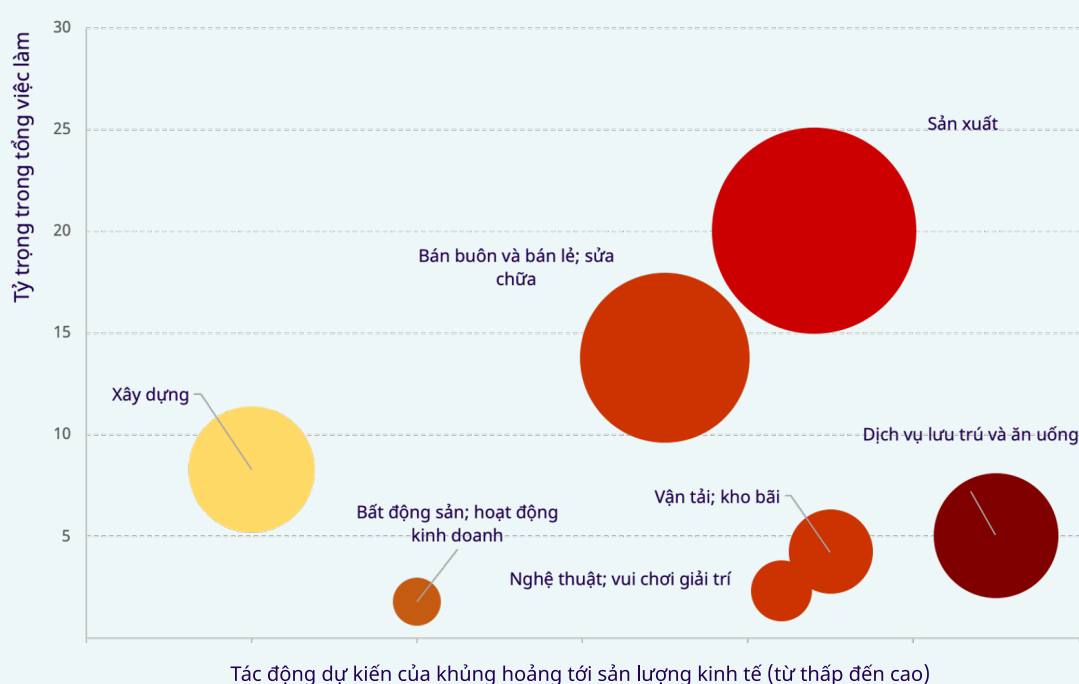
Nguồn: Đánh giá của ILO; số liệu Điều tra Lao động Việc làm năm 2019, Tổng cục Thống kê Việt Nam

đối diện với sự suy giảm đáng kể về sản lượng kinh tế (mức trung bình hoặc cao). Toàn bộ lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống nói chung đang phải hứng chịu tác động nghiêm trọng, sự giảm mạnh về quy mô đã thể hiện rất rõ trong quý I. Các hoạt động kinh tế liên quan đến du lịch (bao gồm các dịch vụ lưu trú và ăn uống, vận tải, cũng như các hoạt động nghệ thuật và vui chơi giải trí) đã bị đóng băng. Ngoài ra, lĩnh vực sản xuất cũng là một trong những lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Như đã nêu tại phần 2, các lĩnh vực công nghiệp có liên kết với chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu, lắp

ráp ô tô và sản xuất đồ gỗ nội thất đang bị cắt giảm hoạt động nghiêm trọng và phải ngừng hoạt động sản xuất của các nhà máy trên diện rộng do các đơn hàng từ thị trường nội địa và quốc tế đã bị hủy. Không chỉ có lĩnh vực sản xuất, ngành vận tải hàng không là một phân ngành trong lĩnh vực vận tải, kho bãi và truyền thông cũng gần như hoàn toàn đình trệ. Một số các hoạt động khác trong lĩnh vực nghệ thuật, vui chơi, giải trí cũng vậy.

Tác động của khủng hoảng đến việc làm phụ thuộc vào mức độ gián đoạn kinh tế và quy mô

► Hình 5: Ước tính mức độ nghiêm trọng của tình hình suy giảm sản lượng kinh tế và quy mô việc làm có nguy cơ bị tác động tương đương



Nguồn: Tính toán của ILO dựa trên số liệu Điều tra Lao động Việc làm năm 2019, Tổng cục Thống kê Việt Nam

việc làm trong mỗi lĩnh vực bị ảnh hưởng. Dựa trên đánh giá về mức độ suy giảm hiệu suất kinh tế minh họa tại Bảng 1, chúng ta có thể ước tính tỷ lệ lao động có nguy cơ mất việc hoàn toàn hay bị cắt giảm số giờ làm việc hoặc giảm lương hay vừa giảm số giờ làm việc vừa giảm lương. Chúng ta đặt ra hai kịch bản: kịch bản một là mức độ tác động thấp hơn do các biện pháp kiểm soát dịch bệnh được nới lỏng trong quý II và kịch bản còn lại là mức độ tác động lớn hơn khi phần lớn các biện pháp kiểm soát dịch bệnh vẫn được áp dụng. Hình 5 thể hiện kết quả xác định người lao động thuộc diện có nguy cơ mất việc làm hay sinh kế trong cuộc khủng hoảng COVID-19. Trục X thể hiện tác động về kinh tế, đo lường sự suy giảm sản lượng kinh tế của mỗi lĩnh vực. Mức độ tác động đối với mỗi lĩnh vực được đánh giá theo thang điểm từ thấp đến cao như đã tổng hợp tại Bảng 1. Trục Y thể hiện tỷ trọng việc làm của mỗi lĩnh vực trong tổng số việc làm. Kích thước bong bóng là số lượng ước tính người lao động có nguy cơ bị ảnh hưởng.

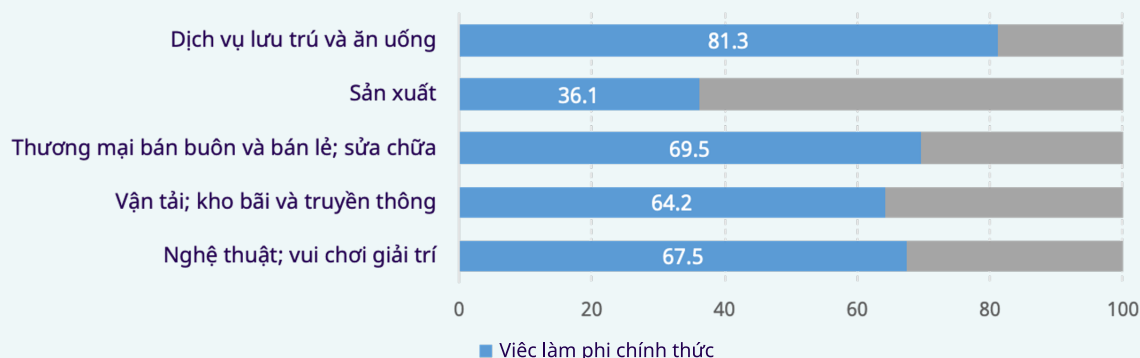
Với hai kịch bản này, ILO ước tính đến cuối quý II năm nay, cuộc khủng hoảng có thể tác động tới sinh kế của 4,6 đến 10,3 triệu lao động thông qua giảm số giờ làm việc, giảm lương hoặc mất việc làm. Theo kịch bản có mức tác động lớn hơn (xem Phụ lục I để biết thêm chi tiết về phương pháp luận), sẽ có 3,8 triệu lao động trong lĩnh vực **sản xuất**, 2,6 triệu lao động trong lĩnh vực **thương mại bán buôn và bán lẻ, sửa chữa xe gắn máy và xe máy** và 1,4 triệu lao động làm các dịch vụ lưu trú và ăn uống bị ảnh hưởng. Kịch bản có mức tác

động thấp hơn sẽ ảnh hưởng đến 1,8 triệu lao động trong lĩnh vực sản xuất, 0,9 triệu lao động trong lĩnh vực **thương mại bán buôn và bán lẻ** và 0,9 triệu lao động làm các **dịch vụ lưu trú và ăn uống**. Lĩnh vực **nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp** hiện đang sử dụng tổng cộng 18,9 triệu lao động được đánh giá là lĩnh vực có nguy cơ thấp, nhưng các phân ngành phục vụ xuất khẩu cũng có thể phải đối diện với nhiều thách thức.

4. Tác động đến người lao động dễ bị tổn thương

Cuộc khủng hoảng sẽ tác động đặc biệt nặng nề đến lao động phi chính thức. Khu vực kinh tế phi chính thức là nguồn tạo sinh kế chính của phụ nữ và nam giới ở Việt Nam. Trong thập kỷ qua, tỷ lệ việc làm phi chính thức đã và đang có xu hướng giảm đi nhưng phần đông lao động cả nước vẫn đang làm việc trong khu vực này. Lao động phi chính thức không được hưởng các chế độ phúc lợi cơ bản như khi làm một công việc chính thức, bao gồm cả chế độ bảo trợ xã hội. Nếu họ phải ngừng làm việc do suy thoái kinh tế, ốm đau hay thực hiện giãn cách xã hội, họ sẽ không được bảo vệ bởi chế độ bảo trợ xã hội. Hàng triệu người lao động làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam không được bảo vệ sức khỏe về khía cạnh tài chính. Trong năm 2019 có 38,1 triệu người đang làm các công việc phi chính thức.¹⁴ Trong số đó, gần 13 triệu lao động làm việc trong các lĩnh vực phải đối diện với cú sốc kinh tế nặng nề nhất (Hình 6).

Hình 6: Việc làm phi chính thức trong năm lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất, năm 2019



Nguồn: Tính toán của ILO dựa trên số liệu Điều tra Lao động Việc làm năm 2019, Tổng cục Thống kê Việt Nam

¹⁴ Báo cáo này sử dụng định nghĩa chuẩn về việc làm phi chính thức của ILO. Định nghĩa này khác với định nghĩa về việc làm phi chính thức của Việt Nam, trong đó không bao gồm đơn vị sản xuất gia đình.

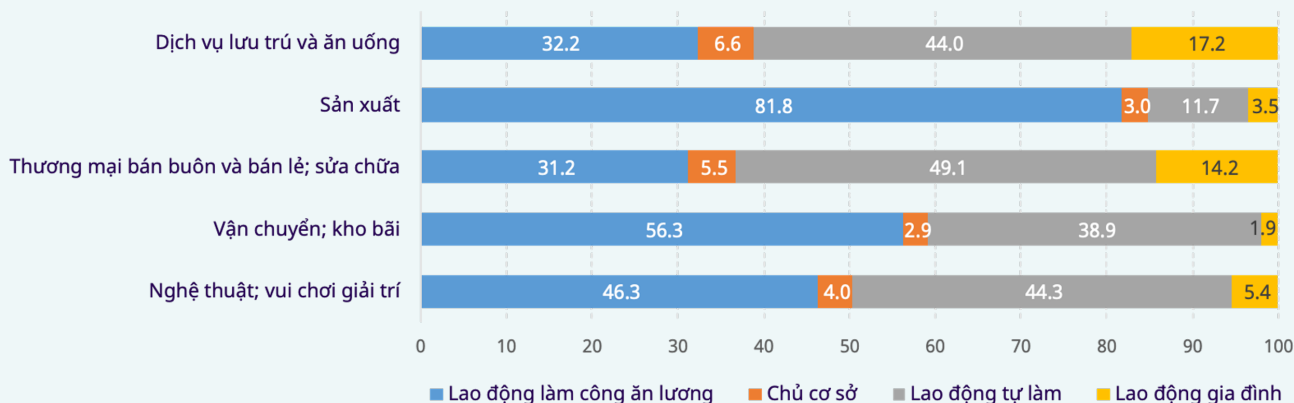
Tác động trực tiếp của các biện pháp kiểm soát dịch bệnh đến khu vực phi chính thức nhiều khả năng tương đối nặng nề hơn. Trong khi đó, thông qua sản xuất phục vụ xuất khẩu và nhập khẩu, các biện pháp gián tiếp lại tác động lớn hơn tới lao động chính thức. Lĩnh vực sản xuất của Việt Nam từ trước đến nay được phân thành các doanh nghiệp phục vụ thị trường quốc tế và các doanh nghiệp hoạt động trong nước. Nhóm thứ nhất hầu như không có liên kết kinh doanh với các nhà cung ứng phục vụ xu hướng và thị trường nội địa, họ có xu hướng áp dụng các tiêu chuẩn lao động cao hơn nên phần lớn lực lượng lao động là chính thức. Những doanh nghiệp và người lao động làm việc trong khu vực này bị tác động nhiều hơn bởi các biện pháp kiểm soát dịch bệnh do các đối tác thương mại áp dụng. Ngược lại, lao động phi chính thức lại phải gánh chịu những tác động kinh tế của các biện pháp giãn cách xã hội. Họ là những doanh nghiệp vừa và nhỏ phục vụ thị trường nội địa cũng như hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống, thương mại bán buôn và bán lẻ, vận tải và kho bãi, như đã đề cập ở trên, cũng là các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất do cuộc khủng hoảng.

Cuộc khủng hoảng tác động đến các lĩnh vực có tỷ lệ việc làm dễ bị tổn thương cao. Hình 7 minh họa tình trạng việc làm trong 5 lĩnh vực phải đối diện với sự sụt giảm hoạt động kinh tế mạnh nhất. Chỉ số này đề cập đến mối quan hệ của người lao động với người sử dụng lao động hay hoạt động tạo sinh kế và cấp độ rủi ro về kinh tế mà người lao động phải đối diện. Nhiều khía cạnh của chất lượng công việc bao gồm cả tiền công và an ninh thu

nhập có liên quan đến tình trạng việc làm. Lao động tự làm và lao động gia đình không hưởng lương là hai đối tượng được đánh giá là dễ bị tổn thương nhất về mặt phân công công việc và do vậy, họ hợp lại tạo thành một nhóm gọi là “việc làm dễ bị tổn thương”. Họ là đối tượng ít có khả năng nhất có được công việc chính thức, được bảo vệ bởi hệ thống bảo trợ xã hội trước các cú sốc kinh tế và ít có khả năng có các khoản tiết kiệm. Mặc dù không phải là tất cả nhưng họ là lực lượng chiếm phần đông những người đang làm các công việc phi chính thức ở Việt Nam. Họ cũng có nguy cơ cao nhất sẽ rơi vào tình trạng nghèo đói. Tình trạng có việc làm nhưng vẫn nghèo, tỷ lệ dân số có việc làm dưới chuẩn nghèo quốc tế là 1,9 USD, đã và đang có xu hướng giảm mạnh trong nhiều năm (Hình 8) và ở mức 1,2% năm 2019. Tuy nhiên, các biện pháp giãn cách xã hội để ứng phó đại dịch COVID-19 có thể làm mất đi nhiều lựa chọn thu nhập của những người cận nghèo như công nhân tái chế rác thải và người bán hàng rong.

Việc làm dễ bị tổn thương phổ biến trong các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Hình 7 cho thấy lao động dễ bị tổn thương chiếm tỷ lệ lớn trong các lĩnh vực này với tổng số gần 9 triệu người. Lao động gia đình không hưởng lương đặc biệt thiệt thòi do họ không được trả lương. Việc khoảng 2 triệu lao động gia đình đang làm việc trong những lĩnh vực có nguy cơ cao nhất cho thấy công việc kinh doanh gia đình cung cấp một phần sinh kế quan trọng trong các ngành này. Trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng hiện nay, điều đó có nghĩa là cả gia đình đều phải chứng kiến sự sụt

► Hình 7: Tình trạng việc làm trong 5 lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất



Nguồn: Tính toán của ILO dựa trên số liệu Điều tra Lao động Việc làm, Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2019

giảm trong các dòng doanh thu của gia đình.

Tuy nhiên có được một công việc được trả lương cũng không đảm bảo việc được tiếp cận bảo trợ xã hội. Người lao động thuộc nhóm tình trạng việc làm này nhìn chung thường được bảo đảm an ninh thu nhập và có điều kiện làm việc tốt hơn. Ở Việt Nam, do công cuộc chuyển đổi kinh tế và mở rộng lĩnh vực sản xuất, nhóm này đã tăng hơn gấp đôi kể từ đầu những năm 2000 và tính đến năm 2019, nhóm này chiếm 47,3% tổng số việc làm. Tuy nhiên, ở Việt Nam, có một công việc được trả lương không đồng nghĩa với việc đương nhiên được đóng bảo hiểm xã hội. Năm 2019, chỉ riêng trong lĩnh vực sản xuất đã có hơn 2 triệu lao động phi chính thức.

Phụ nữ chiếm số đông trong các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất của Việt Nam. Hơn nửa lực lượng lao động của các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất là phụ nữ và chiếm phần đa trên tổng số việc làm của tất cả các lĩnh vực đó (Hình 9). Trong 5 lĩnh vực này, chúng ta thấy phụ nữ chiếm tỷ lệ đặc biệt cao trong các phân ngành ghi nhận sự sụt giảm về sản lượng. Chẳng hạn như lĩnh vực thương mại bán lẻ mà phụ nữ chiếm gần 64% tổng số lao động và ngành dệt may với hơn 77% lực lượng lao động là nữ. Ngay cả trước khi xảy ra khủng hoảng COVID-19, nhiều phụ nữ là lao động gia đình không được trả lương hơn so với nam giới, và tồn tại chênh lệch tiền lương theo giới. Cú sốc kinh tế hiện tại sẽ làm trầm trọng thêm những thách thức này. Bên cạnh đó, tác động của khủng hoảng kinh tế đối với phụ nữ sẽ đi kèm với những chuẩn tắc xã hội đặc trưng của Việt Nam, cho rằng phụ nữ có thiên

► Hình 8: Tỷ lệ người có việc làm nhưng vẫn nghèo ở Việt Nam

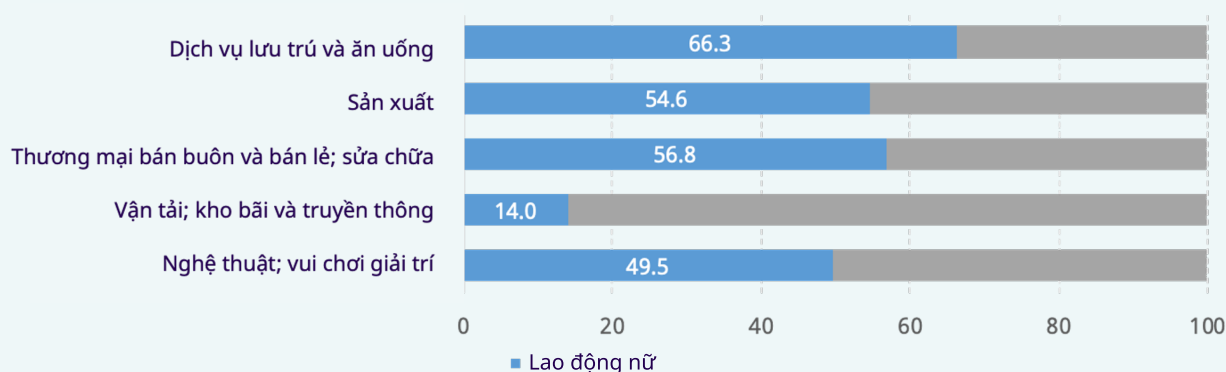


Nguồn: Ước tính dựa trên mô hình lượng của ILO, 2019.

chức chăm sóc gia đình trong khi vẫn kỳ vọng họ cũng tích cực trên thị trường lao động gần như nam giới. Trong năm 2019, phụ nữ có việc làm đã dành trung bình 38,8 giờ mỗi tuần cho công việc (ít hơn nam giới 1,2 giờ), cộng thêm 23,5 giờ mỗi tuần để làm việc nhà (nhiều hơn nam giới 12,7 giờ)¹⁵. Khi trường học vẫn đóng cửa từ đầu tháng 2 và các biện pháp giãn cách xã hội đang được áp dụng, trách nhiệm chăm sóc con cái chủ yếu là do phụ nữ gánh vác, điều này có thể khiến họ phải đưa ra những quyết định về việc làm của mình và có lẽ sẽ làm giảm hơn nữa thu nhập của họ.

Cuộc khủng hoảng cũng làm trầm trọng thêm những thách thức mà lao động di cư Việt Nam phải đối diện. Tính đến ngày 30 tháng 3, hiện có

► Hình 9: Tỷ lệ lao động nữ trong 5 lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất, 2019



Nguồn: Tính toán của ILO dựa trên số liệu Điều tra Lao động Việc làm, Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2019

¹⁵ Tổng cục Thống kê Việt Nam, Điều tra Lao động Việc làm, Quý I, 2019.

561.000 người Việt Nam đang làm việc theo kênh chính thức tại 36 quốc gia và vùng lãnh thổ. Hơn 90% số lao động này đang làm việc tại Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc và Hàn Quốc. Phần lớn (khoảng 80%) làm việc trong lĩnh vực sản xuất. Theo thông tin mới nhất từ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, đa phần lao động di cư vẫn ở lại các quốc gia tiếp nhận trong quý I năm 2020. Hiện các cơ quan chức năng đang thu thập số liệu tìm hiểu lý do vì sao lao động di cư ở lại quốc gia tiếp nhận, nhưng nguyên nhân có thể là do chi phí phát sinh nếu về nước, hạn chế về thị thực, mất thu nhập, cần phải gửi tiền về nhà, hoặc sợ không thể lấy lại chi phí tuyển dụng và lệ phí đã phải trả để đi làm việc ở nước ngoài trước khi kết thúc hợp đồng. Lao động di cư theo các kênh không chính thống đặc biệt dễ bị tổn thương trong giai đoạn này, tùy thuộc vào việc họ có được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế, các chế độ bảo trợ xã hội, hoặc các chế độ chính sách khác liên quan đến COVID-19 tại quốc gia nhập cư.

5. Kết luận

Việt Nam đã kiểm soát cuộc khủng hoảng y tế COVID-19 rất tốt trong những tháng đầu năm 2020. Để đạt được kết quả này, Việt Nam đã sớm triển khai các biện pháp để kiểm soát dịch bệnh với mức độ quyết liệt ngày càng tăng. Những biện pháp này đã khiến cho hoạt động kinh tế bị cắt giảm trong một giai đoạn. Trong khi đó, các quốc gia khác trên toàn thế giới trong đó có các đối tác xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam, cũng đang áp dụng các biện pháp tương tự với các mức độ nghiêm ngặt khác nhau nhằm kiểm soát dịch bệnh. Nền kinh tế đã chịu tác động đáng kể từ cả các kênh trực tiếp (do các quyết sách trong nước) và gián tiếp (do các chính sách ứng phó khủng hoảng của chính phủ các nước khác) trong quý I năm nay và dự kiến sẽ còn sụt giảm hơn nữa trong những tháng tới.

Với hai kịch bản tác động được xây dựng, ILO ước tính đến cuối quý II, khủng hoảng có thể ảnh hưởng đến sinh kế của 4,6 đến 10,3 triệu lao động, do giảm số giờ làm, giảm lương, hoặc trong trường hợp xấu nhất là mất việc. Lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng do họ không nằm trong diện bao phủ của hệ thống bảo trợ xã hội. Lao động dễ bị tổn thương đặc biệt có nguy cơ phải đối diện rủi ro về kinh tế do họ phần đông làm các công việc phi chính thức với mức lương thấp và

hiều khả năng họ không có tiền tiết kiệm. Phụ nữ chiếm số đông trong hầu hết các lĩnh vực phải chứng kiến sự sụt giảm mạnh của các hoạt động kinh tế.

Mức độ tổn thất về sinh kế sẽ phụ thuộc vào diễn tiến của dịch bệnh và các biện pháp kiểm soát dịch bệnh do Chính phủ Việt Nam và các nước khác áp dụng. Khó có thể dự đoán được diễn biến của cú sốc do dịch bệnh COVID-19 gây ra bằng cách so sánh với các cuộc khủng hoảng khác trong quá khứ do tính chất khủng hoảng này chưa từng có tiền lệ. Các quốc gia đều cảm thấy mình đang đứng trong một tình thế chưa bao giờ gặp phải, vừa áp dụng các cách tiếp cận khác nhau để kiểm soát dịch bệnh vừa tự điều chỉnh dựa trên kinh nghiệm vốn có và kinh nghiệm học hỏi được từ các quốc gia khác.

Khi chúng tôi thực hiện báo cáo nhanh này, Việt Nam đã nới lỏng biện pháp cách ly xã hội ở một số khu vực trên toàn quốc được khoảng 1 tuần. Việc nới lỏng chưa được áp dụng đối với một số địa phương cũng như Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, là hai trung tâm kinh tế đô thị chính của Việt Nam và các quy tắc giãn cách xã hội vẫn chưa được gỡ bỏ. Dù sao thì biện pháp này cũng sẽ giảm nhẹ đôi chút tác động kinh tế từ kênh trực tiếp. Tuy nhiên, trong khi đó các nước đối tác thương mại của Việt Nam vẫn đang trong tâm điểm cuộc chiến chống COVID-19. Một số đối tác xuất khẩu hàng đầu đã gia tăng mức độ nghiêm ngặt của các biện pháp kiểm soát dịch bệnh kể từ đầu tháng 4. Khó có thể dự báo được khi nào tác động kinh tế từ kênh gián tiếp sẽ được giảm nhẹ. Trong trung hạn, ngay cả khi Việt Nam cần lựa chọn gỡ bỏ các biện pháp giãn cách xã hội trên toàn quốc, cuộc khủng hoảng (bất kể là trực tiếp hay gián tiếp tác động đến nền kinh tế) có thể sẽ tác động đến tổng mức tiêu dùng do phương diện tài chính của người dân đã bị suy giảm, từ đó kéo theo tác động đến khả năng của cầu trong nước để duy trì nền kinh tế.

IMF¹⁶ đã dự báo hơn 170 quốc gia sẽ chứng kiến mức tăng trưởng kinh tế âm trong năm 2020 và sẽ được khôi phục phần nào trong năm 2021. Tuy nhiên, các quốc gia trên thế giới đều đang hành động quyết liệt để hỗ trợ nền kinh tế. Ở Việt Nam, Chính phủ đang đưa ra một loạt các giải pháp tiền tệ và tài khóa để giúp doanh nghiệp duy trì hoạt động và bảo vệ thu nhập trong ngắn hạn. Các đề án để thúc đẩy khôi phục kinh tế trong trung hạn và dài hạn cũng đang định hình. Khi

¹⁶ Quỹ Tiền tệ Quốc tế, ngày 9 tháng 4 năm 2020.

cuộc khủng hoảng y tế được kiểm soát, các nhà lãnh đạo Việt Nam sẽ chuyển trọng tâm sang giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế cũng theo cách quyết liệt như trên mặt trận y tế. Nhiệm vụ này mang phạm vi rất rộng, nên cần phải có sự đồng bộ về giải pháp chính sách, bao gồm: các biện pháp kích thích nền kinh tế và việc làm; hỗ trợ doanh nghiệp, việc làm và thu nhập trong những tháng tới; bảo vệ người lao động tại nơi làm việc; và đưa ra giải pháp dựa vào đối thoại xã hội.

Việt Nam đã giải quyết cuộc khủng hoảng y tế liên quan đến COVID-19 một cách quyết liệt và mạnh mẽ, và quan trọng nhất là với mục tiêu bảo vệ tất cả mọi người dân, không để ai bị bỏ lại phía sau. Cách tiếp cận đó cần phải được áp dụng để giải quyết các thách thức về kinh tế, xã hội và thị trường lao động. Đây là thời điểm quan trọng phải đảm bảo rằng phản ứng chính sách kinh tế - xã hội được xây dựng một cách bao trùm, dựa trên tham vấn ba bên (Chính phủ, người sử dụng lao động và người lao động), và có thể tác động tới các đối tượng dễ bị tổn thương nhất trên thị trường lao động. Thời điểm khó khăn này tạo cơ hội cho Việt Nam để thiết lập nền tảng cho con đường tăng trưởng toàn diện hơn, không để ai bị bỏ lại phía sau, khi công cuộc hồi phục bắt đầu được thực hiện.

► Phụ lục I: Ghi chú về phương pháp luận

Số lượng việc làm có nguy cơ bị gián đoạn do cuộc khủng hoảng COVID-19 được ước tính bằng một quy trình hai bước. Đầu tiên, chúng tôi đánh giá mức độ tác động dự kiến đối với sản lượng kinh tế của mỗi lĩnh vực theo phương pháp tương tự được áp dụng trong phân tích toàn cầu của ILO tại *Báo cáo nhanh số 2 của ILO: COVID-19 và thế giới việc làm*.¹⁷ Bước hai, chúng tôi ước tính tỷ lệ việc làm có nguy cơ cao bị gián đoạn trong mỗi lĩnh vực bị ảnh hưởng.

Để hoàn thiện bước một, chúng tôi rà soát các lĩnh vực kinh tế dựa trên Chuẩn Phân ngành quốc tế của tất cả các hoạt động kinh tế (ISIC), Bản sửa đổi lần 4, tại phân ngành cấp 2. Đối với mỗi phân ngành trong 88 phân ngành, chúng tôi đánh giá ảnh hưởng của các kênh tác động trực tiếp và gián tiếp tới sản lượng kinh tế dự kiến. Chúng tôi áp hệ số thể hiện các mức giảm sản lượng kinh tế từ thấp, trung bình đến cao cho từng lĩnh vực đối với cả các kênh tác động trực tiếp và gián tiếp.

Để đánh giá mức tác động gián tiếp đối với từng lĩnh vực, chúng tôi xét đến các cấu phần xuất khẩu của Việt Nam tới các thị trường xuất khẩu hàng đầu dựa trên số liệu năm 2019 của Tổng cục Thống kê. Các thị trường xuất khẩu gồm có: Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Hồng Kong (Trung Quốc), Ấn Độ, Hà Lan, Hàn Quốc, Anh và Hoa Kỳ. Chúng tôi kết hợp thông tin này với số liệu từ Công cụ theo dõi phản ứng của Chính phủ đối với dịch COVID-19 của Oxford đánh giá mức độ nghiêm ngặt của các biện pháp giãn cách xã hội được Chính phủ của 144 quốc gia và vùng lãnh thổ áp dụng. Với thông tin có được, chúng tôi đánh giá nguy cơ gián đoạn kinh tế theo từng cấp độ thấp, trung bình-thấp, trung bình-cao và cao (Bảng 1).

Để ước tính tỷ lệ công việc có nguy cơ bị ảnh hưởng, chúng tôi áp dụng một phương pháp do Bộ phận Phân tích Kinh tế và Xã hội thuộc Văn phòng vùng của ILO phát triển. Phương pháp này ước tính một hệ số thể hiện tỷ lệ người lao động trong mỗi lĩnh vực (ISIC, phân ngành cấp 2) có nguy cơ bị cắt giảm một phần khối lượng công việc do hoạt động kinh tế bị sụt giảm. Chúng tôi đã áp dụng một kịch bản nguy cơ thấp hơn và một kịch bản nguy cơ cao hơn với hệ số khác nhau nhân với số người lao động trong từng lĩnh vực cụ thể để xác định số lượng lao động bị ảnh hưởng. Số liệu việc làm được sử dụng là số liệu trung bình năm 2019 lấy từ kết quả Điều tra Lao động Việc làm theo quý của Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Cụm từ “có nguy cơ” trong báo cáo nhanh này được điều chỉnh từ thuật ngữ được sử dụng trong *Báo cáo nhanh số 2 của ILO* toàn cầu. Báo cáo toàn cầu của ILO đưa ra ước tính về tổng số giờ làm việc bị giảm trong quý II năm 2020 do đại dịch COVID-19. Báo cáo toàn cầu cho biết các quốc gia có thu nhập trung bình thấp (như Việt Nam) có thể mất 6,7% tổng số giờ làm việc, tương đương với 70 triệu lao động toàn thời gian. Lưu ý quan trọng ở đây là số lượng lao động có nguy cơ ước tính trong báo cáo nhanh này không tương đồng với số lượng lao động toàn thời gian như tính toán trong Báo cáo số 2 của ILO toàn cầu. Thay vào đó, cụm từ này thể hiện một phạm vi rộng hơn, với mục đích đưa ra ước tính về số lao động phải đối diện với sự cắt giảm trong khối lượng công việc do cuộc khủng hoảng COVID-19. Khối lượng công việc bị cắt giảm có thể là theo hình thức giảm số giờ làm việc nhưng cũng có thể là mất việc hoàn toàn. Kết quả Điều tra Lao động Việc làm quý II sẽ cho chúng ta thấy được mức độ tác động của đại dịch COVID-19 tới thị trường lao động như tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm hay không còn tham gia thị trường lao động.

¹⁷ ILO, Báo cáo nhanh số 2, Covid-19 và thế giới việc làm, 7 tháng 4 năm 2020.